

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-PT**

Ngày 22 – 11 – 2022.

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương
Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngụy Thế Xuân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐ-PT ngày 26/10/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Kim Th, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị Kim Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông B và bà Trương Thị Kim Th tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình H, huyện Bình S, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 08/6/1988. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2020, ông B đã nộp đơn xin ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã giải quyết bằng bản án số

02/2021/HNGĐ-ST ngày 26/02/2021, bà Th đã kháng cáo bản án lên cấp phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm, được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk động viên, hòa giải, cũng như xét thấy để có thời gian xem xét lại vấn đề, ông B đã rút đơn khởi kiện về việc ly hôn bà Trương Thị Kim Th, bà Th cũng rút đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi ông B rút đơn thì cuộc sống vợ chồng càng mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, không có sự động viên hỏi han nhau, hầu như cắt đứt mọi liên lạc, nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông B được ly hôn bà Trương Thị Kim Th.

Ông B và bà Th có 03 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh năm 1989; Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1997. Các con hiện nay đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Trương Thị Kim Th trình bày:

Bà Th và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 08/6/1988 tại UBND xã Bình H, huyện Bình S, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, trong cuộc sống cũng có lúc mâu thuẫn nhưng không có gì lớn. Các lý do về mâu thuẫn vợ chồng mà ông B đưa ra để yêu cầu ly hôn bà là chưa thỏa đáng và không đúng với sự thật. Vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, tuy nhiên đó là do ông B cố tình sống ly thân để có lý do xin ly hôn. Hiện nay con cái đều đã lớn và có cuộc sống riêng, bà Th đã quá tuổi lao động và không có ai phụ giúp tuổi già, mặt khác bà Th vẫn còn tình cảm yêu thương ông B, nên bà Th không đồng ý ly hôn, đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cháu.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Th không có ý kiến gì.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Ông B được ly hôn bà Trương Thị Kim Th.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về con chung, tài sản chung – nợ chung, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2022, bị đơn bà Trương Thị Kim Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B, bà Th đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của ông B và tuyên xử cho ông B được ly hôn với bà Th là có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Kim Th về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quan hệ hôn nhân của ông B và bà Th được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình H, huyện Bình S, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 08/6/1988. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020, ông B đã nộp đơn xin ly hôn bà Th, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã giải quyết bằng bản án số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 26/02/2021, bà Th đã kháng cáo bản án lên cấp phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm, ông B đã rút đơn xin ly hôn bà Trương Thị Kim Th, bà Th cũng rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi ông B rút đơn xin ly hôn, vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm nên vào ngày 30/7/2021 ông B tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Th. Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2022 và ngày 24/5/2022 (BL 38a, 38b), Đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Kim Th quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên do ông B, bà Th không yêu cầu hòa giải ở địa phương nên chính quyền không biết mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng ông bà như thế nào. Vợ chồng ông B và bà Th đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th và ông B cũng thừa nhận nội dung này. Xét thấy cuộc sống vợ chồng ông B, bà Th không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông B và cho ông B được ly hôn với bà Th là có căn cứ. Do đó,

kháng cáo của bà Th là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Th không được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị Kim Th. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0020623 mà bà Th đã nộp ngày 16/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Búk;
- TAND H. Krông Búk;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương